

# BIDV (BID)

## Kế hoạch LNTT 2022 tăng 51% YoY

Chuyên viên phân tích Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

23/5/2022

**1Q2022, LNTT đạt 4,514 tỷ VND, tăng 32.9% YoY**

1Q2022, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt với thu nhập lãi thuần đạt 12,826 tỷ VND (+18.2% YoY, +18.4% QoQ); TOI đạt 16,227 tỷ VND (+6.4% QoQ, +11.1% YoY); LNTT 1Q2022 đạt 4,514 tỷ VND, tăng 32.9% YoY. Tăng trưởng tín dụng 1Q2022 đạt 4.6% YTD.

**Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.97% giảm 1bps QoQ. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao thứ 2 hệ thống**

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2022 không thay đổi so với 4Q2021, đạt 0.97% (-1bps QoQ). Trong kì, BID trích lập dự phòng ở mức cao, đạt 7,391 tỷ VND (+18.5% QoQ, +3.0% YoY) khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 259.2%, cao thứ 2 hệ thống ngân hàng.

**Kế hoạch tăng trưởng LNTT 51% YoY**

BID đặt kế hoạch LNTT tăng 51% trong đó NII tăng 6% YoY, NOII tăng 22% YoY, thu hồi nợ 8,000 – 9,000 tỷ VND, CIR kiểm soát dưới 37%; NPL<1.5%. KBSV đánh giá đây là kế hoạch khả thi dựa trên (1) Sự hồi phục của nền kinh tế; (2) Dư địa cải thiện CASA; (3) Trích lập dự phòng giảm trong năm 2022.

**Kế hoạch tăng 21% vốn điều lệ trong năm 2022-2023**

Đại hội cổ đông thường niên 2022 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ 21% thông qua 2 đợt phát hành bao gồm chi cổ tức 2021 bằng cổ phiếu 12% trong năm 2022 và phát hành ra công chúng hoặc riêng lẻ 9% vốn điều lệ trong năm 2022-2023.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 45,000 VND/cp**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 45,000 VND/cp, cao hơn 30.5% so với giá tại ngày 20/5/2022.

## MUA

**Giá mục tiêu VND 45,000**

Tăng/Giảm	30.5 %
Giá hiện tại (20/5/2022)	VND 34,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 42,032
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	174,519

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	138.6/6.1
Sở hữu nước ngoài (%)	16.85%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

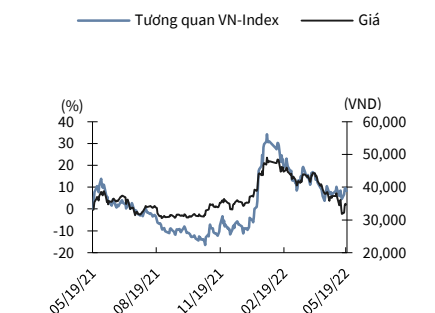
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-10	-23	-2	7
Tương đối	-1	-5	13	8

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021F	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,797	46,823	48,585	50,548
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	32,344	43,028	45,433	46,869
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	6,997	10,540	15,395	18,700
EPS (VND)	1,740	2,084	2,776	3,176
Tăng trưởng EPS (%)	-16%	20%	33%	14%
PER (x)	24.9	20.8	15.6	13.6
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,803	17,066	17,540	19,480
PBR (x)	2.19	2.54	2.47	2.22
ROE (%)	9.2%	13.1%	17.3%	18.2%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

## Hoạt động kinh doanh

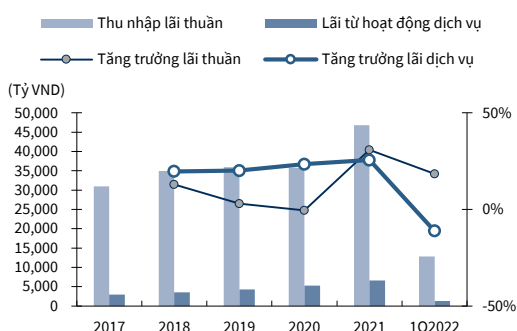
**1Q2022, LNTT đạt 4,514 tỷ VND, tăng 32.9% YoY**

1Q2022, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 12,826 tỷ VND (+18.2% YoY, +18.4% QoQ); thu nhập ngoài lãi đạt 3,401 tỷ VND (-22.7% QoQ, -9.9% YoY) khiến TOI đạt 16,227 tỷ VND (+6.4% QoQ, +11.1% YoY). CIR cải thiện nhẹ so với cùng kỳ, đạt 26.6%, giảm 100bps YoY trong khi chi phí trích lập dự phòng đạt 7,391 tỷ VND (+18.5% QoQ, +3.0% YoY) khiến cho LNTT 1Q2022 đạt 4,514 tỷ VND, tăng 32.9% YoY. Tăng trưởng tín dụng 1Q2022 đạt 4.6% YTD.

**NIM 1Q2022 đạt 2.87%, giảm 3bps QoQ**

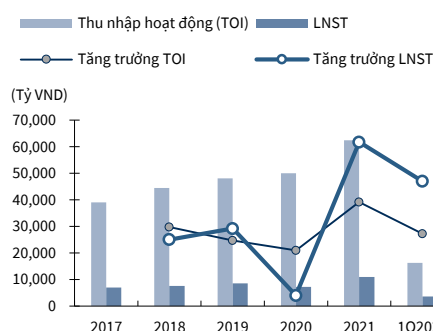
NIM 1Q2022 giảm nhẹ so với quý trước, đạt 2.87% (-3 bps QoQ, +0 bps YoY) trong đó chi phí đầu vào bình quân giảm 20bps QoQ nhờ tỷ lệ CASA được cải thiện và BIDV tăng tỷ trọng huy động từ NHNN - các tổ chức tín dụng trong khi lãi suất đầu ra bình quân giảm 23bps QoQ, đạt 6.03% đến từ các chính sách giảm lãi suất hỗ trợ nền kinh tế của BIDV.

**Biểu đồ 1. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2017-1Q2022 (YoY)**



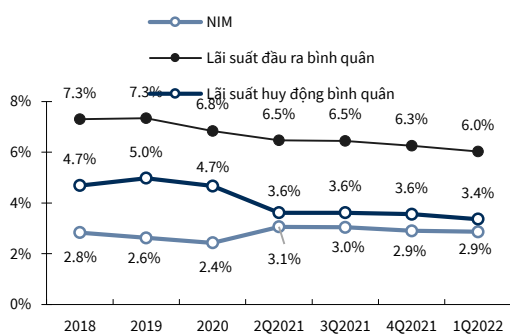
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2017-1Q2022 (YoY)**



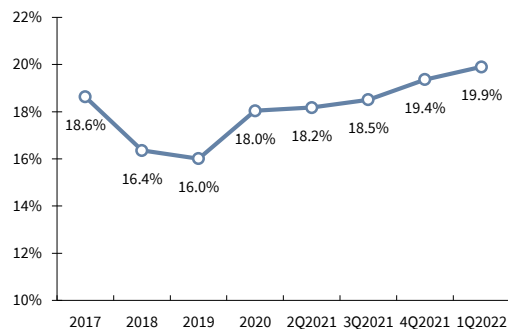
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 3. Biến động lãi suất – NIM giai đoạn 2018-1Q2022**



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA của BID giai đoạn 2017 – 1Q2022**

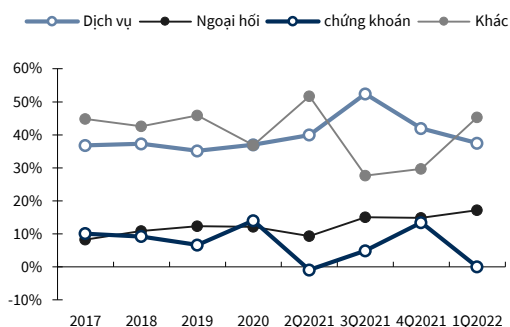


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**NOII 1Q2022 đạt 3,401 tỷ VND, giảm 9.9% YoY**

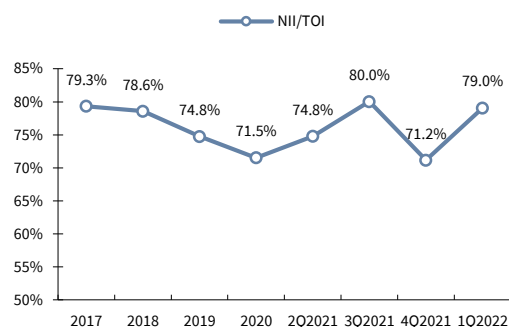
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm so với các quý trước (-30.9% QoQ, -11.1% YoY); lãi từ hoạt động FX duy trì ở mức cao, tăng 54.2% YoY trong khi hoạt động đầu tư – kinh doanh chứng khoán không có lãi và thu nhập từ hoạt động khác đạt 1,458 tỷ VND, giảm 19.2% YoY khiến NoII 1Q2022 đạt 3,401 tỷ VND, giảm 9.9% YoY. NII/TOI tăng về mức cao, đạt 79.0%.

**Biểu đồ 5. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2017-1Q2022**



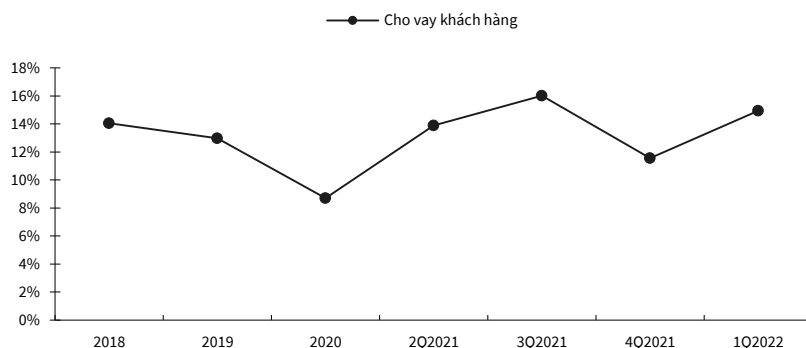
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 6. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/thu nhập hoạt động 2017-1Q2022**



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

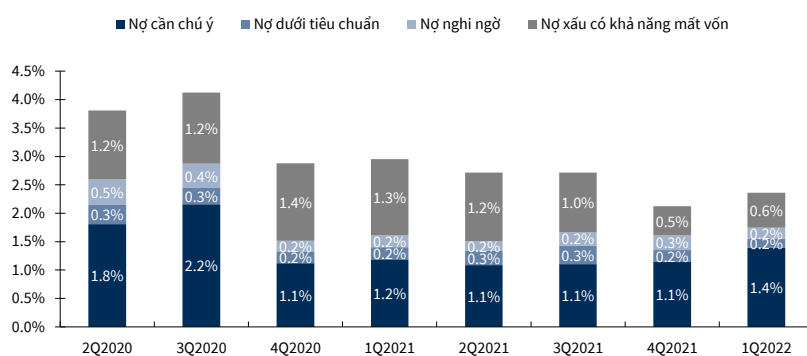
**Biểu đồ 7. Tăng trưởng Cho vay khách hàng 2018-1Q2022 (YoY)**



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.97% giảm 1bps QoQ. Dự nợ tái cơ cấu đạt khoảng 25,262 tỷ VND và có khả năng phục hồi là 95%**

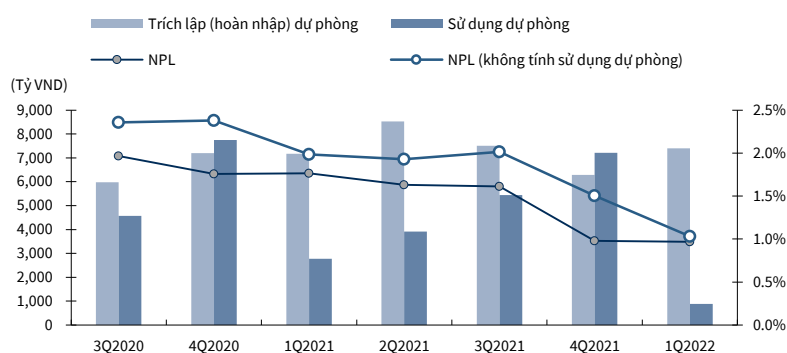
Tỷ lệ nợ xấu 1Q2022 không thay đổi so với 4Q2021, đạt 0.97% (-1bps QoQ) với nợ nhóm 5 tăng nhẹ 9bps QoQ, trong khi đó nợ nhóm 2 tăng 25bps QoQ, là mức cao nhất trong 6 quý gần đây là yếu tố cần quan tâm. Trong kì, BID trích lập dự phòng ở mức cao, đạt 7,391 tỷ VND (+18.5% QoQ, +3.0% YoY) khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 259.2%, cao thứ 2 hệ thống ngân hàng. Tại thời điểm cuối tháng 4/2022, theo thông tin từ BID, nợ tái cơ cấu đạt khoảng 25,262 tỷ VND tương đương 1.8% tổng dư nợ hiện tại. BID đã thực hiện trích lập toàn bộ cho phần nợ tái cơ cấu này trong năm 2021 cùng với khả năng phục hồi các khoản nợ này là 95% sẽ giảm đáng kể áp lực trích lập trong năm 2022 cũng như mở ra cơ hội ghi nhận lợi nhuận từ hoàn nhập dự phòng.

**Biểu đồ 10. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của BID giai đoạn 2020-1Q2022**

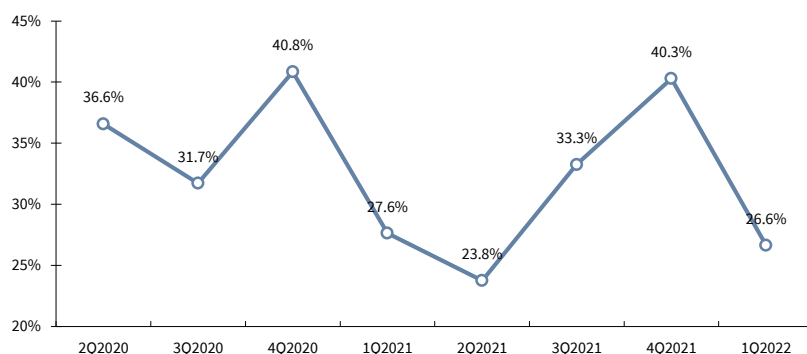
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 11. NPL – trích lập dự phòng 2020-1Q2022**

1Q2022, BID gần như không thực hiện xử lý nợ xấu bằng nguồn dự phòng tuy nhiên vẫn giữ được NPL ở mức thấp cho thấy chất lượng tài sản được cải thiện rõ nét.



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 12. Tỷ lệ CIR của BID giai đoạn 2020-1Q2022**

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Kế hoạch tăng trưởng LNTT 51% YoY**

Tại đại hội cổ đông thường niên 2022, BID đặt kế hoạch LNTT tăng 51% trong đó NII tăng 6% YoY, NOII tăng 22% YoY, thu hồi nợ 8,000 – 9,000 tỷ VND, CIR kiểm soát dưới 37%; NPL < 1.5%. KBSV đánh giá BID hoàn toàn đủ khả năng để hoàn thành kế hoạch tăng trưởng này dựa trên các yếu tố: (1) Sự hồi phục của nền kinh tế sau đại dịch thúc đẩy nhu cầu vay từ cả khối doanh nghiệp và cá nhân; (2) Dự địa cải thiện CASA còn nhiều với chính sách miễn phí giao dịch sẽ bù đắp cho áp lực tăng lãi suất đầu vào của hệ thống ngân hàng; (3) Trích lập dự phòng giảm trong năm 2022. BID đã tất toán nợ VAMC trong khi nợ tái cơ cấu đã được trích lập dự phòng hết trong năm 2021, qua đó giảm đáng kể áp lực trích lập dự phòng trong năm 2022 cùng với cơ hội ghi nhận lợi nhuận từ hoàn nhập dự phòng cao.

**Kế hoạch tăng 21% vốn điều lệ thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán cổ phiếu ra công chúng/riêng lẻ.**

Đại hội cổ đông thường niên 2022 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ thông qua 2 đợt phát hành. Đợt 1, BID sẽ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2021 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 607,022,900 cổ phiếu tương đương 12% vốn điều lệ, thời gian dự kiến vào nửa sau của năm 2022. Đợt 2, BID chào bán ra công chúng hoặc riêng lẻ 455,267,143 cổ phiếu, tương đương 9% vốn điều lệ hiện tại, dự kiến thực hiện vào năm 2022-2023. KBSV kì vọng phần vốn tăng thêm sẽ cải thiện CAR của BID, qua đó là động lực thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong các năm tới.

## Dự phóng kết quả kinh doanh

### Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2022

Chúng tôi đưa ra dự phóng cho BID trong năm 2022 như sau:

- Dự phóng tăng trưởng tín dụng đạt 12.3% trong năm 2022 khi các doanh nghiệp đẩy mạnh vay nợ để hồi phục sau dịch Covid-19.
- Chúng tôi ước tính NIM 2022 giảm 17bps YoY, đạt 2.73%, cao hơn 9bps so với dự phóng cũ phản ánh quan điểm tích cực hơn về việc kiểm soát chi phí đầu vào của ngân hàng.
- Dự phóng NPL đạt 1.45%, tăng 47bps YoY sau khi BID ghi nhận đúng nhóm nợ đối với nợ tái cơ cấu theo thông tư 14/2021/TT-NHNN.
- Chi phí trích lập dự phòng dự kiến đạt 25,595 tỷ VND, giảm 13.2% YoY do BID đã chủ động trích lập hết nợ tái cơ cấu trong năm 2021.
- Chúng tôi dự báo LNTT năm 2022 đạt 19,838 tỷ VND, tăng 46.4% YoY

**Bảng 12. Dự phóng KQKD 2021 -2022**

	2021	2022F	2023F	% Yoy 2022	%YoY 2023
Thu nhập lãi thuần	46,823	48,585	50,548	3.8%	4.0%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6,614	6,941	7,592	4.9%	9.4%
Tổng thu nhập hoạt động	62,494	65,845	67,927	5.4%	3.2%
Chi phí trích lập dự phòng	(29,481)	(25,595)	(22,772)	-13.2%	-11.0%
Lợi nhuận sau thuế ngân hàng mẹ	10,540	15,395	18,700	46.1%	21.5%
NIM	2.90%	2.73%	2.65%	-17bps	-8bps
Lãi suất đầu ra bình quân	6.26%	6.59%	7.04%	34bps	45bps
Lãi suất đầu vào bình quân	3.56%	3.95%	4.29%	39bps	34bps
CIR	31.1%	31.0%	31.0%	-15bps	0bps
NPL	1.00%	1.45%	1.50%	45bps	5bps
Tổng tài sản	1,761,696	1,842,325	2,021,247	4.6%	9.7%
Vốn chủ sở hữu	86,329	97,286	114,686	12.7%	17.9%

Nguồn: KBSV

### Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 45,000 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu BID.

#### (1) Phương pháp định giá P/B

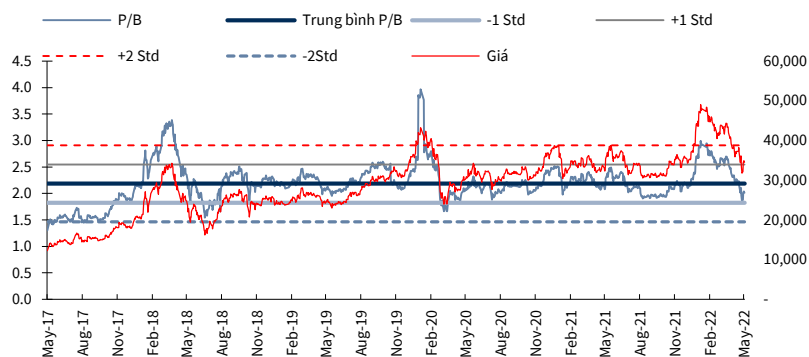
Với triển vọng tích cực trong năm 2022, chúng tôi đưa ra P/B mục tiêu của BID là 2.2x, tương đương trung bình P/B 5 năm của BID (Biểu đồ 13), thấp hơn so với mức dự phóng cũ là 2.5x phản ánh phản ứng ngại chung đối với nhóm ngân hàng bởi rủi ro lạm phát và suy thoái kinh tế.

#### (2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 14)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng của cổ phiếu BID cho năm 2022 là 45,000 đồng/cổ phiếu, cao hơn 30.5% so với giá ngày 20/05/2022.

Biểu đồ 13. Diễn biến giá và chỉ số P/B của BID giai đoạn 2016-2022



Nguồn: Fiinpro, KBSV

Bảng 14. Cổ phiếu BID – Định giá phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2022F	2023F	2024F
Lợi nhuận sau thuế	15,870	19,278	21,738
Lợi nhuận thặng dư	5,496	7,301	7,853
Chi phí vốn (r)	11.30%		
Tăng trưởng (g)	5.0%		
Giá trị cuối cùng	105,660		
Giá trị cuối năm 2022	204,181		
<b>Giá trị cổ phiếu BID</b>	<b>40,364</b>		

Nguồn: KBSV

Bảng 15. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	49,651	50%	24,826
Lợi nhuận thặng dư	40,364	50%	20,182
<b>Giá mục tiêu</b>			<b>45,000</b>

Nguồn: KBSV

## Ngân hàng BIDV (BID) – Bảng tóm tắt KQKD &amp; dự phóng, 2019A-2023E

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022F	2023F	(Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần	35,978	35,797	46,823	48,585	50,548	Cho vay khách hàng	1,102,366	1,195,240	1,325,529	1,495,744	1,662,837
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	100,747	100,688	101,008	117,428	134,160	Chứng khoán kinh doanh	6,346	10,170	6,069	3,574	3,967
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(64,769)	(64,891)	(54,185)	(68,843)	(83,611)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	14,117	12,294	12,661	14,626	16,234
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	4,266	5,266	6,614	6,941	7,592	Tài sản có sinh lời	1,458,152	1,485,093	1,743,024	1,818,569	1,993,010
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	5,361	5,093	6,179	7,733	6,714	Tài sản cố định và tài sản khác	39,206	38,919	35,365	39,557	43,021
Tổng thu nhập hoạt động	48,121	50,037	62,494	65,845	67,927	Tổng tài sản	1,489,957	1,516,686	1,761,696	1,842,325	2,021,247
Chi phí hoạt động	(17,257)	(17,693)	(19,465)	(20,412)	(21,057)	Tiền gửi của khách hàng	1,114,163	1,226,674	1,380,398	1,523,962	1,691,598
LN thuần trước CF DPRRTD	30,864	32,344	43,028	45,433	46,869	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	75,159	76,090	138,032	159,357	176,575
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(20,132)	(23,318)	(29,481)	(25,595)	(22,772)	Các khoản nợ chịu lãi	1,374,765	1,402,248	1,641,777	1,848,141	2,051,159
Thu nhập khác	6,518	7,993	8,957	11,216	9,737	Các khoản nợ khác	37,540	34,792	33,590	(102,286)	(143,782)
Chi phí khác	(1,157)	(2,900)	(2,779)	(3,482)	(3,023)	Tổng nợ phải trả	1,412,304	1,437,039	1,675,367	1,745,855	1,907,378
Tổng lợi nhuận trước thuế	10,732	9,026	13,548	19,838	24,097	Vốn điều lệ	40,220	40,220	50,585	55,465	58,875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2,184)	(1,803)	(2,706)	(3,968)	(4,819)	Thặng dư/vốn cổ phần	14,292	14,292	14,292	14,292	14,292
LNST	8,548	7,224	10,841	15,870	19,278	Lợi nhuận chưa phân phối	13,857	13,517	8,673	14,750	28,740
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(179)	(227)	(301)	(476)	(578)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	8,368	6,997	10,540	15,395	18,700	Vốn chủ sở hữu	77,653	79,647	86,329	97,286	114,686

Chỉ số tài chính (%)						Định giá (đồng, X, %)					
	2019	2020	2021	2022F	2023F		2019	2020	2021	2022F	2023F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	12.9%	9.2%	13.1%	17.3%	18.2%	EPS cơ bản	2,081	1,740	2,084	2,776	3,176
ROA	0.6%	0.5%	0.7%	0.9%	1.0%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	17,066	17,540	19,480
ROE trước dự phòng	37.3%	32.9%	41.5%	39.6%	35.4%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	18,235	18,744	16,196	16,720	18,715
ROA trước dự phòng	1.8%	1.7%	2.1%	2.0%	1.9%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.6%	2.4%	2.9%	2.7%	2.7%	PER	20.8	24.9	20.8	15.6	13.6
Hiệu quả hoạt động						PBR	2.2	2.2	2.5	2.5	2.2
LDR thuần	100.3%	99.0%	98.1%	100.0%	100.0%	Tỉ lệ cổ tức	0.0%	1.8%	1.8%	1.8%	1.8%
CIR	35.9%	35.4%	31.1%	31.0%	31.0%	ROE	12.9%	9.2%	13.1%	17.3%	18.2%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	13.5%	1.8%	16.2%	4.6%	9.7%	Tỉ lệ an toàn vốn(CAR)	10.0%	9.3%	8.9%	>8%	>8%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	12.9%	8.4%	10.9%	12.8%	11.2%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	8.8%	4.8%	33.0%	5.6%	3.2%	NPL(nợ xấu nhóm 3-5)	1.7%	1.8%	1.0%	1.5%	1.5%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	13.7%	-16.4%	50.6%	46.1%	21.5%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	75.0%	89.2%	214.8%	127.7%	113.3%
Tăng trưởng EPS	-3.3%	-16.4%	19.8%	33.2%	14.4%	SML (nợ xấu và nợ cần chú ý)	4.0%	2.9%	2.1%	2.6%	2.6%
Tăng trưởng BVPS	21.0%	2.6%	-13.8%	2.8%	11.1%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	32.9%	54.4%	101.1%	72.6%	65.4%

Nguồn: Báo cáo công ty &amp; KBSV



## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Ví mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Ví mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Ví mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

---

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.